

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HC-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v “ *khiếu kiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Yên
2. Ông Kiều Như Bồn

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Diệp Tú Anh – Thư ký Tòa án.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Hiến- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (điểm cầu trung tâm) và Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh N (điểm cầu thành phần) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 30/2021/TLST- HC ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “ *khiếu kiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*” giữa:

**Người khởi kiện:** Ông Võ T, sinh năm: 1961. Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố P, tỉnh N (có mặt tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận).

**Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh N;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố P, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần M, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (theo Giấy ủy quyền ngày 22/20/2021). Ông Trần M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn H, Phó Trưởng Phòng Tài nguyên- Môi trường thành phố P (có mặt tại Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh N).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Th, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N (có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trần H, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên- Môi trường tỉnh N (có mặt tại Hội trường Ủy ban nhân dân tỉnh N).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1963 và anh Võ D, sinh năm: 2000. Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố P, tỉnh N (đều vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 06/02/2015, UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 221xxx cho hộ ông Võ T đối với thửa đất số x tờ bản đồ số y phường B, diện tích 250,4 m<sup>2</sup>, loại đất trồng cây hàng năm khác. Hộ ông Võ T gồm có ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị C và con ông là anh Võ D.

Thực hiện Dự án Khu đô thị biển K2, ngày 12/10/2020, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND thu hồi 273,3 m<sup>2</sup> (diện tích tăng lên do sai số trong quá trình đo đạc) đất thuộc thửa số x tờ bản đồ số y phường B, đồng thời UBND thành phố P ban hành Quyết định số 983/QĐ- UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Võ T với tổng số tiền là 499.535.840 đồng. Cụ thể: Bồi thường về đất trồng cây hàng năm tại địa bàn thành phố P là 273,3 m<sup>2</sup> x 180.000 đồng/m<sup>2</sup> = 49.194.000 đồng; tài sản, vật kiến trúc: 349.033.840 đồng. Hoa màu: 2.920.000 đồng; hỗ trợ 3 lần giá đất nông nghiệp : 273,3 m<sup>2</sup> x 3 x 120.000 đồng = 98.388.000 đồng.

Không đồng ý nội dung Quyết định 983/QĐ- UBND nói trên, ông Võ T thực hiện khiếu nại lần đầu và được Chủ tịch UBND thành phố P xem xét giải quyết tại Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 05/02/2021, với nội dung: *“Không chấp thuận các nội dung khiếu nại của ông Võ T. Giữ nguyên nội dung Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/01/2020 của UBND thành phố P”*.

Ông Võ T tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh N. Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021, nội dung: *Công nhận và giữ nguyên nội dung quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Võ T. Không chấp thuận nội dung khiếu nại của hộ ông Võ T yêu cầu: Việc Nhà nước thu hồi đất của hộ ông để thực hiện dự án Khu đô thị biển Khu K2 là không đúng theo Điều 64 Luật đất đai năm 2013; Đề nghị nâng giá bồi thường về đất; Nâng mức giá bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc từ 80% thành 100%; Giao 01 lô đất tái định cư; Hỗ trợ chuyển đổi nghề.*

**Người khởi kiện- Ông Võ T- trình bày:**

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P việc thu hồi đất.

Lý do: UBND thành phố P khi thu hồi đất của gia đình ông đã không tuân thủ và không thực hiện theo quy định tại Điều 43 Luật Đất đai 2013; Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 64 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP; Điều 67 và Điều 69 Luật Đất đai 2013.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

Do Quyết định số 983/QĐ- UBND không tuân thủ và không thực hiện theo quy định tại các Điều 74, 75, 77, 79, 80, 83, 84, 85, 86, 89, 97, 100 và Điều 112 Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 15 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 4, 6, 10, 11, 14, 15 và Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ- CP của Chính Phủ; Quyết định số 63/2015/QĐ- TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 36/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014; Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014; Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 30/6/2017 của Bộ Tài nguyên- Môi trường.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Do Quyết định số 410/QĐ- UBND không tuân thủ và không thực hiện theo quy định tại Điều 74, 75, 77, 79, 80, 83, 84, 85, 86, 89, 97, 100 và Điều 112 Luật Đất đai 2013; Điều 4, 5, 6, 7, 9, 11, 12, 13, 19, 20, 21 và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 4, 6, 10, 11, 14, 15 và Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ- CP của Chính Phủ; Quyết định số 63/2015/QĐ- TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng chính phủ; Thông tư số 36/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014; Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên- môi trường; Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 30/6/2017 của Bộ Tài nguyên- môi trường. Không tuân thủ và không thực hiện theo Điều 3, 4, 5, 6, 12, 14 và Điều 28 Luật Khiếu nại 2011.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Do Quyết định số 1283/QĐ- UBND không tuân thủ và không thực hiện theo quy định tại Điều 74, 75, 77, 79, 80, 83, 84, 85, 86, 89, 97, 100 và Điều 112 Luật Đất đai 2013; Điều 4, 5, 6, 7, 9, 11, 12, 13, 19, 20, 21 và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 4, 6, 10, 11, 14, 15 và Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ- CP của Chính Phủ; Quyết định số 63/2015/QĐ- TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 36/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014; Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên- môi trường; Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 30/6/2017 của Bộ Tài nguyên- môi trường. Không tuân thủ và không thực hiện theo Điều 3, 4, 5, 6, 12, 14 và Điều 37 Luật Khiếu nại 2011.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3815/QĐ- UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Do Quyết định số 3815/QĐ- UBND không tuân thủ và không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 71, Điều 74, 75, 77, 79, 80, 83, 84, 85, 86, 89, 97 100 và Điều 112 Luật Đất đai 2013; Điều 4, 5, 6, 7, 9, 11, 12, 13, 19, 20, 21 và Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 4, 6, 10, 11, 14, 15 và Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ- CP của Chính Phủ; Quyết định số 63/2015/QĐ- TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng chính phủ; Thông tư số 36/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014; Thông tư số 37/2014/TT- BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên- môi trường; Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 30/6/2017 của Bộ Tài nguyên- môi trường.

Yêu cầu UBND thành phố P phải thực hiện thu hồi đất theo đúng trình tự thủ tục thu hồi đất của Luật đất đai 2013 và bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông theo đúng quy định của pháp luật đất đai năm 2013 và đúng với chủ trương, đường lối chính sách pháp luật của nhà nước về đất đai.

Yêu cầu Tòa tuyên buộc UBND thành phố P phải bồi thường cho gia đình ông 1.000.000.000 (một tỷ đồng) về tổn hại về mặt tinh thần và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông. Do UBND thành phố P đã ban hành các quyết định không tuân thủ và không thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, đã gây tổn hại đến sức khỏe và đời sống yên bình của gia đình ông, làm tổn hại nghiêm trọng đến lao động sản xuất của gia đình ông- đang thu nhập bình thường mỗi tháng 14.000.000 đồng từ năm 2020 đến nay. Ông không nộp chứng cứ chứng minh việc tổn hại tinh thần, tài sản và mất thu nhập.

**Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện- UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P- trình bày ý kiến tại Bản trình bày ý kiến ngày 15/11/2021 và Bản trình bày ý kiến ngày 11/7/2021. Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P trình bày như sau:**

Các căn cứ pháp lý để ban hành các Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất; Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất; Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu):

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ- HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh N phê duyệt danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh N.

Căn cứ Quyết định số 506/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh N về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của UBND thành phố P; Quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh N về việc phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị biển K2; Quyết định số 60/QĐ- UBND ngày 08/02/2018 của UBND tỉnh N về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh N.

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh N: Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 15/2018/QĐ- UBND ngày 26/01/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 14/2020/QĐ- UBND ngày 19/5/2020 về việc ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020- 2024 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 65/2019/QĐ- UBND ngày 14/11/2019 về việc ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 85/2020/QĐ- UBND ngày 07/4/2020 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 và Quyết định số 271/2020/QĐ- UBND ngày 11/9/2020 về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 85/2020/QĐ- UBND ngày 07/4/2020.

- Về Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất.

Thực hiện Dự án Khu đô thị biển K2, ngày 12/10/2015, UBND thành phố P ban hành Thông báo thu hồi đất số 1064/TB- UBND đối với thửa đất số x tờ bản đồ số y của hộ ông Võ T.

Ngày 13/5/2015, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N phối hợp với UBND phường B lập Biên bản kiểm kê, đo đạc hiện trường đối với thửa đất số x tờ bản đồ số y diện tích 273,3 m<sup>2</sup> của hộ ông Võ T, có xác nhận của ông Võ T trong Biên bản.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: “d. Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cum công nghiệp; khu sản xuất chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng”; Hội đồng nhân dân tỉnh N đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ- HĐND ngày 16/12/2019 phê duyệt danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh N, trong đó có dự án Khu đô thị biển K2.

Căn cứ Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ trên đây: “1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này”; “2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan

*nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”; “3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án”. UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 506/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của UBND thành phố P trong đó có dự án Khu đô thị biển K2.*

*Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất như sau: “UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam”.*

Ngày 12/10/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND về việc thu hồi đất do hộ ông Võ T sử dụng tại phường Mỹ Bình để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 với diện tích 273,3 m<sup>2</sup> đất loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa số x tờ bản đồ số y phường B.

- Về Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Võ T khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2

Ngày 12/10/2020, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 về việc thu hồi đất do hộ ông Võ T sử dụng tại phường B để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 với diện tích 273,3 m<sup>2</sup> đất loại đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa số x tờ bản đồ số y phường B.

Cùng ngày, UBND thành phố ban hành Quyết định số 983/QĐ- UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Võ T với tổng số tiền bồi thường 499.535.840 đồng, gồm có: Bồi thường về đất trồng cây hàng năm tại địa bàn thành phố P là 273,3 m<sup>2</sup> x 180.000 đồng/m<sup>2</sup>= 49.194.000 đồng; tài sản, vật kiến trúc: 349.033.840 đồng. Hoa màu: 2.920.000 đồng; hỗ trợ 3 lần giá đất nông nghiệp : 273,3 m<sup>2</sup> x 3 x 120.000 đồng= 98.388.000 đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường về đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

Căn cứ Bảng giá các loại đất kỳ 2020- 2024 trên địa bàn tỉnh N ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ- UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh N quy định như sau: “*giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại địa bàn thành phố P có đơn giá 120.000 đồng/m<sup>2</sup>*”.

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ- UBND ngày 07/4/2020 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 và Quyết định số 271/QĐ- UBND ngày 11/9/2020 về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 85/QĐ- UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh N như sau: “*Giá đất của thửa đất cần định giá= Giá đất trong Bảng giá các loại đất kỳ 2015- 2019 x Hệ số điều chỉnh đất giá đất*”. Đối với trồng cây hàng năm: Hệ số điều chỉnh giá đất

bằng 1,5 lần, tương ứng với giá đất cụ thể là 180.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Trường hợp ông Võ T đã được UBND thành phố P phê duyệt giao 01 lô đất ở nhu cầu tại Quyết định số 730/QĐ- UBND ngày 13/5/2021.

UBND thành phố ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND và Quyết định số 983/QĐ- UBND cùng ngày 12/10/2020 về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ T là phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

- Về Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại ông Võ T (lần đầu)

UBND thành phố ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND và Quyết định số 983/QĐ- UBND cùng ngày 12/10/2020 về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ T để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2.

Không đồng ý với Quyết định thu hồi, Quyết định bồi thường, ông Võ T gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố P. Ngày 20/01/2021, UBND thành phố P phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức buổi đối thoại trực tiếp với ông Võ T.

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011 quy định thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND cấp huyện : *“Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình”*. Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ- CP ngày 03/10/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại. Căn cứ Thông số 07/2013/TT- TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Ngày 28/01/2021 Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 410/QĐ- UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ T (lần đầu). Tại điều 1 Quyết định giải quyết như sau: *“Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Võ T. Giữ nguyên nội dung Quyết định số 924/QĐ- UBND và Quyết định 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 UBND thành phố P”*.

Từ những nội dung trình bày trên, việc ông Võ T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy Quyết định số 924/QĐ- UBND về việc thu hồi đất, quyết định bồi thường số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P; Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ T là không có căn cứ.

Đối với Quyết định số 3815/QĐ- UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Trung tâm phát triển quỹ đất đã mời ông Võ T nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng ông Võ T không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Ngày 04/10/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh ban hành văn bản số 1973/TTPTQĐ về việc đề nghị UBND thành phố P ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất 18 hộ gia đình cá nhân để thực hiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2, trong đó có hộ ông T. Ngày 04/10/2021, UBND

phường B có Báo cáo số 254/BC- UBND về tình hình vận động các hộ dân bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án, nhưng hộ ông Võ T không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng như sau: *“Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.*

*Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này”.*

Ngày 31/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 3815/QĐ- UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông Võ T. Sau đó, các đơn vị có liên quan tiếp tục mời và vận động hộ ông Võ T nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Ông Võ T đã đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bác yêu cầu khởi kiện này.

- Về yêu cầu của ông Võ T yêu cầu UBND thành phố P bồi thường thiệt hại 1 tỷ đồng: do các Quyết định hành chính số 924/QĐ- UBND về việc thu hồi đất, Quyết định bồi thường số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P; Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ T có căn cứ, đúng pháp luật, do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bác yêu cầu khởi kiện này của ông Võ T.

**Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện- Chủ tịch UBND tỉnh N- trình bày ý kiến tại văn bản ngày 30/10/2021. Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh N trình bày như sau:**

- Về việc ông Võ T cho rằng Nhà nước thu hồi đất của hộ ông để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 là không đúng theo Điều 64 Luật đất đai năm 2013.

Dự án Khu K2 thuộc dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận quy định tại điểm d khoản 3 điều 62 Luật đất đai năm 2013 *“Thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: 3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: d) dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới,; chỉnh trang đô thị...”* Hội đồng nhân dân tỉnh N đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ- HĐND ngày 16/12/2019 phê duyệt các công trình, dự án phải thu hồi đất năm

2020 trên địa bàn tỉnh, trong đó có dự án Khu đô thị Biển K2 nằm trong nhóm khu đô thị mới.

Vì vậy, việc UBND thành phố P ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 thu hồi đất của hộ ông Võ T để thực hiện dự án Khu đô thị Biển K2 không đúng theo Điều 64 Luật đất đai năm 2013 là không có cơ sở.

- Về đề nghị nâng giá bồi thường về đất:

Căn cứ khoản 2 mục I, II Phần A Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020- 2024 trên địa bàn tỉnh N (ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ- UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh), quy định giá đất trồng cây hàng năm: “*Tại địa bàn thành phố P, giá đất là 110.000 đồng/m<sup>2</sup>*”, và giá đất trồng cây lâu năm “*tại địa bàn thành phố P, giá đất là 120.000 đồng/m<sup>2</sup>*”.

Căn cứ điểm a khoản 15 Điều 1 Quyết định số 15/2018/QĐ- UBND ngày 26/01/2018 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh: “*Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi .....đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường...thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp theo loại đất nông nghiệp theo loại đất và vị trí của thửa đất thu hồi còn được hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất và cùng vị trí quy định trong Bảng giá đất của UBND tỉnh*”.

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ- UBND ngày 11/9/2020 của UBND tỉnh thì dự án K2, phường B quy định : “*Đối với đất trồng cây hàng năm: hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,5, tương ứng với giá đất cụ thể là 180.000 đồng/m<sup>2</sup>*”.

Đối chiếu các quy định nêu trên, việc UBND thành phố P ban hành Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 bồi thường, hỗ trợ cho ông Võ T, với tổng mức là 540.000 đồng/m<sup>2</sup>, cụ thể: bồi thường theo giá đất 180.000 đồng/m<sup>2</sup> (1,5 x 120.000 đồng/m<sup>2</sup>); hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường 360.000 đồng/m<sup>2</sup> (3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại 120.000 đồng/m<sup>2</sup>) là đúng theo các quy định hiện hành. Vì vậy, việc ông Võ T đề nghị xem xét nâng giá bồi thường, hỗ trợ về đất là sai toàn bộ và không có cơ sở để xem xét giải quyết.

- Về nâng mức bồi thường tài sản, vật kiến trúc từ 80% thành 100%:

Theo Bản xác nhận của UBND phường B thì nhà và các công trình phụ của ông Võ T xây dựng vào năm 2002 (không bị lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng), UBND thành phố P đã hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc cho ông Võ T với mức 80% giá trị bồi thường là đúng theo chủ trương tại Văn bản số 53- CV/ĐHĐND ngày 31/10/2019 của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất theo đề nghị của UBND tỉnh: “*Chấp thuận hỗ trợ 80% giá trị nhà ở, vật kiến trúc đối với các hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở, vật kiến trúc đối với các hộ gia đình, cá nhân xây dựng trái phép sau ngày 01/7/2004*”. Nội dung này đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận tại Thông báo số 678- TB/ TU ngày 29/11/2019 và UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện tại Văn bản số 4936/UBND- TCDNC ngày 05/12/2019.

Đôi chiếu với các quy định trên, việc ông Võ T đề nghị nâng mức bồi thường tài sản, vật kiến trúc từ 80% thành 100% là không có cơ sở.

- Về giao đất tái định cư: Diện tích đất thu hồi của hộ ông Võ T là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, không phải là đất ở nên không thuộc diện hỗ trợ tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 83 Luật đất đai 2013 *“Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở...”*. Vì vậy, việc ông Võ T yêu cầu giao một lô đất ở tái định cư là không có cơ sở giải quyết.

- Đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề: Theo xác nhận của UBND phường B, ông Võ T có trực tiếp sản xuất làm nông tại địa bàn phường. Tuy nhiên, tại quyết định thu hồi đất số 924/QĐ- UBND ngày 12/10.2020 của UBND thành phố P thể hiện: diện tích thu hồi của hộ ông Võ T là 273,3 m<sup>2</sup>, không đủ điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề theo khoản 3 Điều 1 Quyết định số 60/QĐ- UBND ngày 08/02/2018 điều chỉnh, bổ sung Phần III, IV Điều 1 Quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị biển K2 như sau: *“về giao đất chuyển đổi nghề: Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện giao đất theo diện chuyển đổi nghề quy định tại Phương án này (hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ 300 m<sup>2</sup> trở lên) có nhu cầu nhận đất ở thì được nhận đất ở theo diện chuyển đổi nghề, đồng thời phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất do UBND tỉnh quyết định”*. Vì vậy, việc ông Võ T đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề là không có cơ sở.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại ngày 11/11/2011; Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ- CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật khiếu nại; Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 15/2018/QĐ- UBND ngày 26/01/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 64/2016/QĐ- UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh;

Chủ tịch UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ T (lần hai) với nội dung: *Công nhận và giữ nguyên nội dung quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Võ T. Không chấp thuận nội dung khiếu nại của hộ ông Võ T yêu cầu: Việc Nhà nước thu hồi đất của hộ ông để thực*

*hiện dự án Khu đô thị biển K2 là không đúng theo Điều 64 Luật đất đai năm 2013; Đề nghị nâng giá bồi thường về đất; Nâng mức giá bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc từ 80% thành 100%; Giao 01 lô đất tái định cư; Hỗ trợ chuyển đổi nghề.*

Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ T (lần hai) là đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng pháp luật. Chủ tịch UBND tỉnh N không đồng ý việc ông Võ T yêu cầu hủy Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 về việc giải quyết khiếu nại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa ông Võ T và Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P, Chủ tịch UBND tỉnh N là tranh chấp về việc “*khiếu kiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; khiếu kiện quyết định cưỡng chế về thu hồi đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại*” được quy định tại Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Do người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P, Chủ tịch UBND tỉnh N, nên căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Về thời hiệu khởi kiện: Thực hiện Dự án Khu đô thị biển K2, ngày 12/10/2020, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND thu hồi 273,3 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số x tờ bản đồ số y phường B, đồng thời UBND thành phố P ban hành Quyết định số 983/QĐ- UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Võ T với tổng số tiền là 499.535.840 đồng. Chủ tịch UBND thành phố P xem xét giải quyết khiếu nại của ông Võ T tại Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 05/02/2021. Ông Võ T tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh N, Chủ tịch UBND tỉnh N đã giải quyết khiếu nại (lần hai) tại Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021. Ông Võ T khởi kiện vào ngày 27/8/2021 là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung: Ông Võ T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành

phố P về việc thu hồi đất.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3815/QĐ- UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Yêu cầu Tòa tuyên buộc UBND thành phố P phải bồi thường cho gia đình ông 1.000.000.000 (một tỷ đồng) về tổn hại về mặt tinh thần và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông do đã ban hành các quyết định trái pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu của ông Võ T về hủy Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất:

Dự án Khu đô thị Biển K2 thuộc dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 “*Thu hồi đất để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: 3. Thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm: d) dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới,; chỉnh trang đô thị...*” . Hội đồng nhân dân tỉnh N đã ban hành Nghị quyết số 34/NQ- HĐND ngày 16/12/2019 phê duyệt các công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh, trong đó có dự án Khu đô thị Biển K2 nằm trong nhóm khu đô thị mới.

Căn cứ Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải dựa trên các căn cứ trên đây: “1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại 61 và điều 62 của Luật này”; “2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”; “3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án”. UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 506/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của UBND thành phố P trong đó có dự án Khu đô thị biển K2.

Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định thẩm quyền thu hồi đất như sau: “UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam”, ngày 12/10/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 924/QĐ- UBND về việc thu hồi đất do hộ ông Võ T sử dụng tại phường B để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 với diện tích 273,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa số x tờ bản đồ số y phường B là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc hủy Quyết định số

924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Võ T về việc hủy Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P.

UBND thành phố P ban hành Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Võ T với tổng số tiền bồi thường 499.535.840 đồng, gồm có: Bồi thường về đất trồng cây hàng năm tại địa bàn thành phố P là  $273,3 \text{ m}^2 \times 180.000 \text{ đồng/m}^2 = 49.194.000 \text{ đồng}$ ; tài sản, vật kiến trúc: 349.033.840 đồng. Hoa màu: 2.920.000 đồng; hỗ trợ 3 lần giá đất nông nghiệp:  $273,3 \text{ m}^2 \times 3 \times 120.000 \text{ đồng} = 98.388.000 \text{ đồng}$ .

- Về bồi thường, hỗ trợ giá đất:

Căn cứ khoản 2 điều 74 Luật Đất đai năm 2013, quy định về nguyên tắc bồi thường về đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

Căn cứ Bảng giá các loại đất kỳ 2020- 2024 trên địa bàn tỉnh N ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ- UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh N quy định như sau: *“giá đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại địa bàn thành phố P có đơn giá 120.000 đồng/m<sup>2</sup>”*

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ- UBND ngày 07/4/2020 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 và Quyết định số 271/QĐ- UBND ngày 11/9/2020 về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 85/QĐ- UBND ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh N như sau: *“Giá đất của thửa đất cần định giá= Giá đất trong Bảng giá các loại đất kỳ 2015- 2019 x Hệ số điều chỉnh đất giá đất”*. Đối với trồng cây hàng năm: *Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,5 lần, tương ứng với giá đất cụ thể là 180.000 đồng/m<sup>2</sup>*.

Đối chiếu các quy định nêu trên, việc UBND thành phố P ban hành Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 bồi thường, hỗ trợ cho ông Võ T, cụ thể: bồi thường theo giá đất 180.000 đồng/m<sup>2</sup> ( $1,5 \times 120.000 \text{ đồng/m}^2$ ); hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường 360.000 đồng/m<sup>2</sup> (3 lần giá đất nông nghiệp cùng loại 120.000 đồng/m<sup>2</sup>) là đúng theo các quy định hiện hành.

Vì vậy, giá đất bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Võ T là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nâng mức bồi thường tài sản vật kiến trúc từ 80% thành 100%: Theo Bản xác nhận của UBND phường B thì nhà và các công trình phụ của ông Võ T xây dựng vào năm 2002 (không bị lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng), UBND thành phố P đã hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc cho ông Võ T với mức 80% giá trị bồi thường là đúng theo chủ trương tại Văn bản số 53- CV/ĐHĐND ngày 31/10/2019 của Đảng

đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh: *“Chấp thuận hỗ trợ 80% giá trị nhà ở, vật kiến trúc đối với các hộ gia đình, cá nhân xây dựng nhà ở, vật kiến trúc đối với các hộ gia đình, cá nhân xây dựng trái phép sau ngày 01/7/2004”*. Nội dung này đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chấp thuận tại Thông báo số 678- TB/ TU ngày 29/11/2019 và UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện tại Văn bản số 4936/UBND- TCDNC ngày 05/12/2019. Như vậy, việc ông Võ T đề nghị nâng mức bồi thường tài sản, vật kiến trúc từ 80% thành 100% là không có cơ sở.

- Về giao đất tái định cư: Diện tích đất thu hồi của hộ ông Võ T là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, không phải là đất ở nên không thuộc diện hỗ trợ tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 83 Luật đất đai 2013. Vì vậy, việc ông Võ T yêu cầu giao một lô đất ở tái định cư là không có cơ sở giải quyết.

Tuy nhiên, trường hợp ông Võ T đã được UBND thành phố P phê duyệt giao 01 lô đất ở nhu cầu tại Quyết định số 730/QĐ- UBND ngày 13/5/2021.

- Về Đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề: Theo xác nhận của UBND phường Mỹ Bình, ông Võ T có trực tiếp sản xuất làm nông tại địa bàn phường. Tuy nhiên, tại quyết định thu hồi đất số 924/QĐ- UBND ngày 12/10.2020 của UBND thành phố P thể hiện: diện tích thu hồi của hộ ông Võ T là 273,3 m<sup>2</sup>, không đủ điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề theo khoản 3 điều 1 Quyết định số 60/QĐ- UBND ngày 08/02/2018 điều chỉnh, bổ sung Phần III, IV điều 1 Quyết định số 412/QĐ- UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị biển K2 như sau: *“về giao đất chuyển đổi nghề: Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện giao đất theo diện chuyển đổi nghề quy định tại Phương án này (hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi từ 300 m<sup>2</sup> trở lên) có nhu cầu nhận đất ở thì được nhận đất ở theo diện chuyển đổi nghề, đồng thời phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất do UBND tỉnh quyết định”*. Vì vậy, việc ông Võ T đề nghị hỗ trợ chuyển đổi nghề là không có cơ sở.

Vậy UBND thành phố P ban hành Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ T là phù hợp quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P.

[2.3] Đối với Yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc hủy Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Hủy quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu số 1049/TB- UBND ngày 02/12/2020; giao Thanh tra thành phố xác minh nội dung khiếu nại. Thanh tra thành phố P lập Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại ngày 04/01/2021, UBND chủ trì tổ chức đối thoại với ông Võ T vào ngày 20/01/2021. Chủ tịch UBND thành phố P ban hành quyết định số 410/QĐ- UBND ngày

28/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ T (lần đầu). Nội dung quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 do Chủ tịch UBND thành phố P: *Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Võ T; Giữ nguyên nội dung Quyết định số 924/QĐ- UBND và Quyết định 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 UBND thành phố P.*

Xét thấy trình tự thủ tục ban hành và nội dung Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai): *Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 410/QĐ- UBND của Chủ tịch UBND thành phố P. Không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Võ T yêu cầu: Việc Nhà nước thu hồi đất của hộ ông để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2 là không đúng theo Điều 64 Luật đất đai năm 2013; Đề nghị nâng giá bồi thường về đất; Nâng mức giá bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc từ 80% thành 100%; Giao 01 lô đất tái định cư; Hỗ trợ chuyển đổi nghề.*

Xét thấy, Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Võ T (lần 2) là đúng thẩm quyền, nội dung giải quyết đúng pháp luật.

Do đó Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc hủy Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và hủy Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

[2.4] Đối với Yêu cầu hủy Quyết định số 3815/QĐ- UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 04/10/2021, UBND phường B có Báo cáo số 254/BC- UBND về tình hình vận động các hộ dân bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án, trong đó hộ ông Võ T chưa được bóc thăm lô đất, không đồng ý nhận tiền bồi thường hỗ trợ và không bàn giao mặt bằng sau khi Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh phối hợp UBND phường B nhiều lần thông báo chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Ngày 04/10/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh N ban hành văn bản số 1973/TTPTQĐ về việc đề nghị UBND thành phố P ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất 18 hộ gia đình cá nhân để thực hiện quyết định thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Khu đô thị biển K2, trong đó có hộ ông T.

Căn cứ điểm d khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng như sau: *“Trường hợp người có đất thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì UBND cấp xã, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt nam cấp xã nơi có đất thu hồi và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện.*

*Trường hợp người có đất thu hồi đã được vận động thuyết phục nhưng không chấp hành việc bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật này.”*

Ngày 31/12/2020, Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 3815/QĐ- UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông Võ T. Như vậy quyết định cưỡng chế số 3815/QĐ- UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố P có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông Võ T khởi kiện hủy Quyết định số 3815/QĐ- UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

[2.5] Về Yêu cầu Tòa tuyên buộc UBND thành phố P phải bồi thường cho gia đình ông Võ T 1.000.000.000 (một tỷ đồng) về tổn hại về mặt tinh thần và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông do UBND thành phố P đã ban hành các quyết định trái pháp luật.

Các Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất; Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất; Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đều có căn cứ, đúng pháp luật, do đó Hội đồng xét xử bác yêu cầu buộc UBND thành phố P phải bồi thường cho gia đình ông Võ T 1.000.000.000 (một tỷ đồng).

Về án phí: Ông Võ T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm căn cứ vào Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào: Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 47/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ , tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ- CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 124/2020/NĐ- CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:  
- Yêu cầu hủy Quyết định số 924/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành

phố P về việc thu hồi đất.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 983/QĐ- UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 410/QĐ- UBND ngày 28/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1283/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3815/QĐ- UBND ngày 21/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Yêu cầu Tòa tuyên buộc UBND thành phố P phải bồi thường cho gia đình ông Võ T 1.000.000.000 (một tỷ đồng) về tổn hại về mặt tinh thần và tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ T được miễn án phí HCST.

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt Người khởi kiện. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện và những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND tỉnh NT;
- Cục THADS Tỉnh NT;
- UBND tỉnh NT;
- Phòng GDKT TAND tỉnh NT;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Thị Kiều Hạnh**







**Nơi nhận:**

*(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc  
gửi bản án theo quy định tại  
Điều 196 của Luật TTHC).*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA**

**PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*